

C. Lan, T. Toán

HUYỆN ỦY CỬ CHI
BAN TỔ CHỨC

*

Số 85- CV/TC

V/v thẩm định danh sách tham dự
lớp trung cấp lý luận chính trị năm 2019

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cử Chi, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: - Trưởng Ban tuyên giáo huyện ủy

- Trưởng Phòng giáo dục – đào tạo huyện

Thực hiện Công văn số 974-CV/HU ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy Cử Chi về việc đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ quản lý, giáo viên ngành giáo dục.

Theo danh sách từ Phòng giáo dục – đào tạo huyện gửi về Ban Tổ chức huyện ủy gồm có 200 đồng chí được chia thành 3 lớp. Tuy nhiên, qua thẩm định Ban Tổ chức Huyện ủy thống nhất cử 152 đồng chí và không đồng ý cử 48 đồng chí tham dự lớp trung cấp lý luận chính trị (có danh sách đính kèm) với lý do:

1- Đối tượng chọn cử đào tạo không đúng với tinh thần Công văn 974-CV/HU của Ban Thường vụ huyện ủy là 46 đồng chí.

2- Độ tuổi tham dự không đảm bảo theo điều kiện có 2 đồng chí, trong đó 1 đồng chí là nam có tuổi đời dưới 30 (theo quy định nam phải từ 30 tuổi trở lên) và 01 đồng chí lớn tuổi (nữ sinh năm 1967).

Ban Tổ chức Huyện ủy có văn bản thông tin đến đồng chí biết.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu.



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Chí Dũng

DANH SÁCH THAM DỰ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2019
(Kèm Công văn số 25..CV/TC ngày 25..tháng 03 năm 2019)

ST T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
1	Võ Thị	Bé		1974	CTCĐ, GV Khối Lá	PHT (2020-2025)	MN Phước Vĩnh An	Thứ 3,5
2	Nguyễn Ngọc	Bích		1981	CTCĐ, GV Sứ khối 8,9		THCS An Phú	"
3	Trần Thị Ngọc	Diễm		1987	CTCĐ, GV lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Tân Thông Hội 3	"
4	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên		1981	Khối trưởng khối Chồi		MN Tân Thạnh Đông	"
5	Nguyễn Thị Minh	Duyên		1989	BTCĐ, GV dạy lớp 4		TH Tân Thông	"
6	Đinh Thị Kim	Định		1978	GV môn Sứ 8,9		THCS Tân An Hội	"
7	Phan Trần Sứ Nhựt	Giang	1975		GV Văn 9		THCS Tân Phú Trung	"
8	Phạm Thị Minh	Hà		1988	GV khối Chồi	PHT (2020-2025)	MN Phạm Văn Cội 2	"
9	Nguyễn Thị	Hà		1991	TPT, GV Tâm lý		THCS Thị Trấn	"
10	Nguyễn Thị Thu	Hằng		1980	GV khối 3	PHT (2020-2025)	TH Thái Mỹ	"
11	Lâm Thị Ngọc	Hiếu		1984	Tổ trưởng Tổ Chồi		MN Nhuận Đức	"
12	Hà Thị	Kiều		1982	TT khối Lá		MN Tân Thông Hội 2	"
13	Nguyễn Vũ	Khải	1965		GV dạy Sứ khối 8,9		THCS Phú Mỹ Hưng	"
14	Võ Thị Mỹ	Khanh		1986	Tổ trưởng, GV khối Lá		MN Phú Hòa Đông	"
15	Nguyễn Thị Mỹ	Linh		1993	BTCĐ, GV lớp Mầm		MN Tân Thông Hội 3	"
16	Nguyễn Thị Ngọc	Loan		1975	CTCĐ, GV lớp Chồi	PHT (2020-2025)	MN Tân Thông Hội 2	"
17	Lê Thị Hồng	Luận		1979	GV dạy lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Phước Hiệp	"

T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
19	Ngô Thị Ngọc	Minh		1992	BTCD, GV Mỹ thuật		THCS Thị Trấn	"
20	Nguyễn Thị	Nương		1974	TTCM Sử-Địa- GDCD		THCS An Phú	"
21	Phan Thị Ngọc	Nương		1980	TTCM khối lớp 4,5		TH-THCS Tân Trung	"
22	Huỳnh Thị Mỹ	Nhân		1987	TT VP, Văn thư		THCS Hòa Phú	"
23	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi		1991	TPT Đội, GV Vật lý 7	PHT (2020-2025)	THCS Bình Hòa	"
24	Đặng Phương	Oanh		1986	BTCD, GV Âm nhạc		THCS Tân Tiến	"
25	Huỳnh Quốc	Phong	1984		TTCD, GV Tin học		THCS Trung Lập	"
26	Tô Thị Kim	Phượng		1973	Khối trưởng Khối 1	PHT (2020-2025)	TH Trần Văn Châm	"
27	Ngô Thị	Quyên		1977	GV khối 4	PHT (2020-2025)	TH Thái Mỹ	"
28	Trần Thị	Quyên		1987	GV Khối Lá	PHT (2020-2025)	MN Phước Vĩnh An	"
29	Nguyễn Thị Thu	Sương		1983	Khối trưởng Khối mầm	PHT (2015-2020)	MN Hoàng Minh Đạo	"
30	Bùi Thị Tố	Tâm		1982	TTCM, GV Tiếng Anh	PHT (2020-2025)	TH Trung An	"
31	Hồ Văn	Tộ	1967		TTCM, GV Toán 9		THCS Phước Thạnh	"
32	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		1977	TTCM, GV Công nghệ		THCS Phạm Văn Cội	"
33	Mai Thị Kim	Thanh		1988	TPT Đội, GV Tin học		THCS Tân Tiến	"
34	Phan Văn	Thành	1979		TTCM, GV Công nghệ		THCS Hòa Phú	"
35	Hồ Phương	Thảo		1991	BTCD, NV Y tế		MN Phước Vĩnh An	"
36	Nguyễn Thị Thu	Thảo		1973	TTCM, GV Sử 8,9		THCS Tân Thạnh Tây	"
37	Nguyễn Thị	Thắm		1986	GV dạy lớp 5	PHT (2020-2025)	TH Trần Văn Châm	"
38	Nguyễn Phương	Thị		1983	GV Lịch sử		THCS Nhuận Đức	"
39	Ngô Thị	Thủy		1987	CTCD, GV lớp chồi	PHT (2015-2020)	MN Tân Thông Hội 1	"

ST T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
41	Hà Văn	Thường	1968		TTCM tổ Xã hội		THCS Bình Hòa	"
42	Đào Thị	Trang		1990	GV dạy lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Phước Hiệp	"
43	Nguyễn Thị Minh	Trang		1977	GV khối Lá	PHT (2020-2025)	MN Phú Hòa Đông	"
44	Diệp Lâm Khánh	Trọng	x		BTCĐ, GV Thể dục		THCS Tân Thạnh Đông	"
45	Nguyễn Hoàng	Uyên		1984	CTCĐ- GV dạy lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Bình Mỹ	"
46	Võ Kim	Vàng		1977	TP VP, GV Công nghệ		THCS Tân Phú Trung	"
47	Lý Thị Hồng	Vân		1987	GV lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Phạm Văn Cội 1	"
48	Trần Thị	Vân		1976	TTCM, GV môn Địa		THCS Tân Tiến	"
49	Mai Thị	Xuân		1971	TTCM, GV Kỹ thuật	PHT (2015-2020)	THCS Tân Phú Trung	"
50	Hồ Ngọc	Ánh		1988	CTCĐ, GV dạy lớp Lá		MN Hoà Phú	Thứ 3,6
51	Đỗ Thị Ngọc	Ái		1987	TTCM khối Lá		MN Tân Phú Trung 1	"
52	Hồ Đắc	Ân	1991		BTCĐ, GV dạy thể dục		TH Tân Thành	"
53	Trần Cao	Chánh	1992		TPT Đội		TH Phước Thạnh	"
54	Nguyễn Thị Hồng	Danh		1982	TTCM khối Văn thể mỹ		TH Phú Hòa Đông	"
55	Trương Thị Thu	Dung		1977	Khối trưởng Khối 1		TH Lê Thị Pha	"
56	Võ Tường	Duy		1982	GV khối Lá	PHT(2020-2025)	MN Trung Lập Hạ	"
57	Nguyễn Kim	Duyên		1972	Khối trưởng khối 4	PHT (2020-2025)	TH Phước Thạnh	"
58	Nguyễn Thị	Duyên		1972	TTCM tổ 3	PHT (2020-2025)	TH Phước Vĩnh An	"
59	Đỗ Cao Kỳ	Duyên		1993	BTCĐ - GV lớp 3		TH Tân Phú Trung	"
60	Trần Thị Kiều	Duyên		1987	GV dạy lớp Mầm	PHT (2020-2025)	MN An Phú	"
61	Nguyễn Thị Trùng	Dương		1990	TTCM K3	PHT (2020-2025)	TH Tân Thạnh Đông 3	"

ST T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
63	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu		1988	BTCĐ, GV lớp Mầm		MN Tây Bắc	"
64	Hà Thị	Giàu		1976	TTCM, GV Sinh 8,9	PHT (2015-2020)	THCS Phú Hòa Đông	"
65	Trần Thị Thúy	Hằng		1979	Khối trưởng khối 3		TH Phước Thạnh	"
66	Lê Thị	Hiền		1985	GV lớp Lá	PHT(2020-2025)	MN Trung An 1	"
67	Võ Thị Lan	Hương		1975	Giáo viên Tiểu học		NDTEKT	"
68	Ouly Thị Diễm	Khanh		1980	TTCM Khối Mầm		MN Thị Trấn Củ Chi 3	"
69	Nguyễn Thị Kim	Lài		1978	TTCM khối 4	PHT, HT (2015- 2020)	TH An Nhơn Đông	"
70	Nguyễn Thị Tuyết	Loan		1983	CTCĐ, GV lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Thị Trấn Củ Chi 3	"
71	Trần Thị	Loan		1980	CTCĐ, Khối trưởng	PHT (2015-2020)	TH Tân Thành	"
72	Nguyễn Thị Ngọc	Loan		1986	TT tổ Lá	PHT(2020-2025)	MN Trung Lập Thượng	"
73	Nguyễn Thị	Luyến		1981	GV lớp 5	PHT (2020-2025)	TH Nhuận Đức 2	"
74	Nguyễn Thị	Lý		1986	TTCM khối 4		TH An Phú 1	"
75	Trần Văn	Mít	1968		TPT Đội		TH Tân Thạnh Đông	"
76	Trương Thị Kim	Ngân		1993	UV BCHCĐ, GV lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Tân Thông Hội 4	"
77	Phan Thanh	Ngân		1975	Tổ phó CM khối 2	PHT (2020-2025)	TH Tân Phú Trung	"
78	Nguyễn Thị Kim	Ngân		1976	Khối trưởng khối 5		TH Tân Thạnh Đông 2	"
79	Lê Thị Bích	Ngọc		1987	GV Khối Lá	PHT (2020-2025)	MN Thị Trấn Củ Chi 1	"
80	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		1990	GV khối Chồi	PHT(2020-2025)	MN Trung Lập Hạ	"
81	Võ Thị Huỳnh	Như		1993	BTCĐ, GV Lớp chồi		MN Tân Phú Trung 1	"
82	Lương Chi	Phụng		1988	BTCĐ, GV lớp Lá		MN Tân An Hội 1	"
83	Nguyễn Thị Đình	Phương		1974	GV dạy lớp 1	PHT (2020-2025)	TH Phước Thạnh	"

ST T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
85	Nguyễn Thị	Phượng		1970	GV lớp 4	PHT (2020-2025)	TH Liên Minh Công Nông	"
86	Nguyễn Kim	Phượng		1977	TTCM khối 5	PHT (2020-2025)	TH Tân Tiến	"
87	Võ Thị	Quyên		1987	Khối trưởng khối 4		TH Phú Mỹ Hưng	"
88	Nguyễn Đặng Ngọc	Tâm		1990	GV Âm nhạc	PHT (2020-2025)	TH Nhuận Đức 2	"
89	Võ Thị Mỹ	Tiên		1993	TTCM, GV lớp Chồi		MN Thái Mỹ	"
90	Nguyễn Trần Thủy	Tiên		1993	TPT Đội, GV Mỹ thuật		TH Phú Hòa Đông 2	"
91	Phạm Huỳnh Thanh	Tuyền		1985	TTCM khối Mầm		MN Thị Trấn Củ Chi 2	"
92	Lê Thị Mộng	Tuyền		1989	BTCĐ, GV dạy lớp Mầm		MN An Nhơn Tây	"
93	Trần Thị Ánh	Tuyết		1976	Khối trưởng khối 2	PHT (2020-2025)	TH Tân Phú	"
94	Đặng Mộc	Thạch	1990		TPT Đội	PHT (2015-2020)	TH Tân Thạnh Đông 2	"
95	Phạm Thị Ngọc	Thanh		1991	BTCĐ, GV lớp Mầm		MN Thái Mỹ	"
96	Trương Thị	Thảo		1972	TTCM Khối 2	PHT (2020-2025)	TH An Phú 2	"
97	Lâm Thị Thu	Thảo		1983	TTCM khối Lá		MN Tân Thông Hội 1	"
98	Trần Thị Phương	Thảo		1980	CTCĐ, GV Địa 6,7		THCS Phạm Văn Cội	"
99	Lê Thị Lệ	Thu		1989	TPT, GV Thể dục		TH Thị Trấn Củ Chi 2	"
100	Võ Thị Minh	Thương		1986	GV Dạy lớp Lá 7	PHT (2015-2020)	MN An Nhơn Tây	"
101	Nguyễn Thị Ánh	Trinh		1988	BTCĐ, GV lớp chồi	PHT (2015-2020)	MN Tân Thông Hội 1	"
102	Võ Thành	Trung	1975		TPT Đội		TH Bình Mỹ	"
103	Lê Tấn	Trường	1988		TPT Đội, GV Thể dục		TH Phú Mỹ Hưng	"
104	Nguyễn Thụy	Uyên		1977	TTCM khối 1		TH An Phú 1	"
105	Hồ	Vi	1994		TPT Đội, GV Thể dục		THCS Trung An	"
106	Trần Thị Ngọc	Bích		1980	TTCM Khối 1	PHT (2015-2020)	TH Thị Trấn Củ Chi	Thứ 4,6

T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
107	Nguyễn Thị Nhật	Bình		1992	Bí thư đoàn, GV khối 1		TH Phú Hòa Đông 2	"
108	Trần Hồng	Cầm		1976	GV Tiếng Anh	PHT (2015-2020)	TH Thị Trấn Củ Chi	"
109	Trần Minh	Cường	1992		BTCD, GV Thể dục 6,9		THCS Tân Thạnh Tây	"
110	Hồ Thị Thanh	Châu		1986	TTCM, GV Văn 9		THCS Tân Thạnh Tây	"
111	Nguyễn Thị Kim	Chi		1994	UV BCHCD, GV lớp Mầm	PHT (2020-2025)	MN Tân Thông Hội 4	"
112	Đỗ Thị	Chon		1973	GV Văn khối 8,9		THCS An Phú	"
113	Trương Văn	Dự	1992		BTCD, GV Thể dục		TH Trung Lập Hạ	"
114	Nguyễn Thanh	Đẹp		1980	TTCM, GV Anh Văn		THCS An Phú	"
115	Nguyễn Thị	Hà		1976	TTCM, GV lớp Chồi	PHT (2020-2025)	MN Tân An Hội 1	"
116	Hoàng Thị	Hằng		1992	TPT, GV Văn 7		THCS Tân Thạnh Tây	"
117	Nguyễn Thị	Hậu		1980	TTCM, GV Tiếng Anh		THCS Phú Hòa Đông	"
118	Nguyễn Thị Thu	Hiền		1978	TTCM khối Chồi		MN Tân Thông Hội 1	"
119	Phan Thị Ngọc	Hòa		1981	GV Văn 9		THCS Phước Thạnh	"
120	Phạm Thị Ánh	Hồng		1987	GV lớp Lá	PHT (2015-2020)	MN Tân Thông Hội 1	"
121	Phạm Thị Diễm	Kiều		1975	GV môn GDCD		THCS Trung Lập Hạ	"
122	Trần Kim	Khánh		1992	BTCD, GV lớp 5		TH Tân Thạnh Tây	"
123	Nguyễn Thị	Lài		1978	CTCD, GV Ngữ văn		THCS Nguyễn Văn Xơ	"
124	Phạm Thị Ngọc	Liên		1988	TT Văn phòng, NV Y tế		TH Nhuận Đức	"
125	Hồ Kim	Loan		1983	Khối trưởng, GV lớp Lá	PHT (2020-2025)	MN Phước Thạnh	"
126	Thái Thị Minh	Ngọc		1985	TPT Đội	PHT (2020-2025)	TH Tân Thông Hội	"
127	Vương Thị Mộng	Ngọc		1974	GV Ngữ văn 6		THCS Trung Lập	"

ST T	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Đơn vị công tác	Ngày học trong tuần
			Nam	Nữ				
129	Cao Thanh	Nhàn		1977	GV Ngữ văn 8, 9		THCS An Nhơn Tây	"
130	Trần Thanh	Phuong		1976	GV Văn 9		THCS Tân Thạnh Tây	"
131	Lý Thanh	Quang	1971		TTCM, GV Tin học		THCS Tân Thạnh Tây	"
132	Nguyễn Văn	Sót	1964		TTCM Tổ Ngữ văn		THCS Hòa Phú	"
133	Nguyễn Thị Thu	Sương		1982	GV Ngữ văn 8,9		THCS Thị Trấn	"
134	Trịnh Thị Thanh	Tâm		1972	TTCM, GV khối lá		MN Tân An Hội 1	"
135	Nguyễn Văn	Tấn	1973		TTCM Sinh - Địa, GV Sinh		THCS Nguyễn Văn Xơ	"
136	Huỳnh Thị Hà	Tiên		1986	GV môn Ngữ văn		THCS Trung Lập Hạ	"
137	Võ Văn	Tính	1980		TTCM, GV Tiếng A	PHT (2015-2020)	THCS Phú Mỹ Hưng	"
138	Nguyễn Văn	Tùng	1969		TTCM, GV lớp 3		TH Phước Hiệp	"
139	Nguyễn Thanh	Tùng	1977		GV Văn 9		THCS Phước Hiệp	"
140	Lâm Thị Mộng	Tuyền		1979	GV Văn 8		THCS Tân Thạnh Đông	"
141	Võ Hồng	Thanh		1984	GV khối 1	HT (2020-2025)	TH An Phú 2	"
142	Võ Văn	Thành	1965		GV Ngữ văn 7, 9		THCS An Nhơn Tây	"
143	La Thị Lan	Thảo		1978	UV BCHCĐ, GV Văn		THCS Phạm Văn Cội	"
144	Cái Thị	Thiện		1977	GV Văn 6,7		THCS Tân Tiến	"
145	Võ Hoài	Thu		1986	GV dạy lớp Lá 3	PHT (2020-2025)	MN Nhuận Đức	"
146	Nguyễn Thụy Mộng	Thu		1983	CTCĐ, GV Khối Lá		MN Tân Phú Trung 2	"
147	Nguyễn Như	Thuận	1976		TTCM, GV Hóa 8,9		THCS Tân Thạnh Tây	"
148	Trần Kim	Thư		1975	GV lớp 5	PHT (2015-2020)	TH Tân Thạnh Tây	"
149	Bùi Thị Nha	Trang		1990	BTCĐ, GV Lý 8,9		THCS Tân Thông Hội	"
150	Trần Thị Thảo	Trang		1980	TTCM tổ Hoá - lý		THCS Thị Trấn 2	"
151	Trần Thị Ngọc	Triều		1994	TPT Đội, GV Mỹ thuật		TH Tân Thạnh Tây	"

**DANH SÁCH KHÔNG CỬ THAM DỰ
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ NĂM 2019**

(Kèm Công văn số 333...CV/TC ngày 24 tháng 03 năm 2019)

STT	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Ghi chú
			Nam	Nữ			
1	Đoàn Thị	Châu		1984	GV Địa lý 8		THCS Hòa Phú
2	Trần Thị Thùy	Dung		1994	GV dạy lớp 1		TH-THCS Tân Trung
3	Nguyễn Tuấn	Đạt	1989		GV Toán 6,7		THCS Tân An Hội
4	Thái Thị Ngọc	Giàu		1984	GV Công nghệ 8		THCS Tân Thạnh Tây
5	Nguyễn Thị Minh	Hiền		1976	GV Công nghệ 6		THCS Tân An Hội
6	Nguyễn Thị	Hoa		1976	Tổ Phó, GV Công nghệ		THCS Tân Tiến
7	Hồ Thị	Hòa		1984	GV dạy lớp Lá		MN An Phú
8	Nguyễn Văn	Hòn	1975		GV Thể dục 6, 9		THCS An Nhơn Tây
9	Nguyễn Trúc	Linh		1978	GV Toán học		THCS Nhuận Đức
10	Hồ Thị Ngọc	Lý		1984	GV Địa lý 7		THCS Hòa Phú
11	Phạm Thị Tuyết	Minh		1980	TPCM, GV Toán 6,9		THCS Tân Phú Trung
12	Âu Quang	Phúc	1972		GV Toán 8,9		THCS Tân Phú Trung
13	Ngô Thị Hồng	Phượng		1992	GV Hóa học 8		THCS Hòa Phú
14	Nguyễn Thị Trang	Quyên		1990	GV Mỹ thuật 6, 8, 9		THCS An Nhơn Tây
15	Phan Thị	Thành		1972	GV Công nghệ 6, 7		THCS An Nhơn Tây
16	Nguyễn Đăng	Thục	1974		GV Toán 9		THCS Thị Trấn
17	Vũ Thị	Vân		1982	GV Lớp Lá		MN Tân Thạnh Đông
18	Phạm Võ Bích	Vân		1980	GV Toán học		THCS Nhuận Đức
19	Trương Lương	Anh		1974	GV Tiếng Anh		TH Thị Trấn Cù Chi 2
20	Lê Thị	Diễm		1994	PBTCD, GV dạy lớp 5		TH Tân Thạnh Đông
21	Đồng Thị Phương	Giang		1989	GV lớp 1		TH Nguyễn Văn Lịch
22	Ngô Thị Thúy	Hằng		1989	GV lớp 3		TH Lê Văn Thế

STT	Họ và chữ lót	Tên	Năm sinh		Chức vụ (Nếu là GV ghi rõ môn, khối)	Quy hoạch CBQL kế cận	Ghi chú
			Nam	Nữ			
24	Trần Thị Xuân	Hồng		1985	GV Âm nhạc		TH Bình Mỹ 2
25	Nguyễn Quốc	Minh	1991		GV dạy Thể dục		TH Phạm Văn Cội
26	Huỳnh Nhật Minh	Phú		1987	GV Khối Lá		MN Thị Trấn Cù Chi 1
27	Lê Thị Minh	Thủy		1992	GV Tiếng Anh, Tin học		TH Tân Thạnh Đông
28	Đoàn Bùi Lê	Trinh		1990	GV dạy lớp 4		TH Phạm Văn Cội
29	Nguyễn Hoàng Quốc	Trung	1980		GV Toán 7, 8		THCS An Nhơn Tây
30	Đặng Thị	Cúc		1978	GV Vật lý 6,7		THCS Phước Vĩnh An
31	Huỳnh Ngọc	Hiếu		1991	GV lớp Lá		MN Phước Thạnh
32	Huỳnh Thị Thu	Huyền		1988	UV BCHCD, GV Tiếng Anh		THCS Trung Lập
33	Ngô Tấn	Khiêm	1964		GV Thể dục		TH Trung Lập Thượng
34	Hồ Thị	Liên		1975	GV Lý 6,7,8		THCS Tân Tiến
35	Trần Thị	Mây		1977	GV Hóa 8,9		THCS Phước Thạnh
36	Trần Thụy	Mi		1988	GV Tiếng Anh 8,9		THCS Tân Thông Hội
37	Phạm Thị	Non		1974	GV- Phụ trách Thư viện		TH Trung Lập Thượng
38	Nguyễn Thị Thanh	Nga		1978	GV dạy lớp 2		TH Phước Hiệp
39	Trần Đặng Thảo	Nguyên		1982	GV dạy lớp Chồi		MN Tân Thạnh Tây
40	Đinh Hồng	Phúc		1975	GV Tiếng Anh 9		THCS Thị Trấn 2
41	Võ Thị Yến	Phương		1987	GV dạy lớp Mầm		MN Tân Thạnh Tây
42	Hồ Thị Bích	Phượng		1969	GV Công nghệ 7		THCS Thị Trấn 2
43	Lê Thị Kim	Thanh		1991	GV lớp 5		TH Hòa Phú
44	Ngô Thị	Thành		1967	Khối trưởng khối Lá		MN Tân Thạnh Tây
45	Bùi Hồng	Thắm		1985	GV dạy lớp Chồi		MN An Phú
46	Phan Thị Ngọc	Thu		1979	GV Địa lý 9		THCS Phước Vĩnh An
47	Huỳnh Thị Sơn	Trà		1986	GV lớp Lá		MN Thị Trấn Cù Chi 2
48	Nguyễn Thị Thanh	Vân		1978	GV Toán 9		THCS Thị Trấn 2